

UBND TỈNH BẮC GIANG  
BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN 1371

Số: 198/BCĐ-1371

V/v phối hợp, tổ chức tuyên truyền về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Báo Bắc Giang;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Ban CHQS các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung đoàn 831.

Căn cứ Kế hoạch số 4320/KH-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của lực lượng Quân đội nhân dân tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2021 - 2027”;

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2021 – 2027; đẩy mạnh tuyên truyền về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2024. Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 1371 đề nghị các cơ quan, ban, ngành có liên quan phối hợp thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đưa nội dung của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015; Nghị định số 37/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu vào Bản tin thông báo nội bộ trong các tháng 02, 4, 6 năm 2024.

2. Đề nghị Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang đưa nội dung của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015; Nghị định số 37/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng; lên cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Bắc Giang.

3. Đề nghị Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015; Nghị định số 37/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.



**4.** Ban CHQS các huyện, thành phố, thị xã phối hợp với Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh huyện, thành phố và Đài Truyền thanh các xã, phường, thị trấn và Đoàn thanh niên các cấp để tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật nghĩa vụ Quân sự năm 2015; Nghị định 37/2022/NĐ-CP này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 9/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng; trong đó, sửa đổi, bổ sung những điểm mới trong công tác tuyên truyền và gọi công dân nhập ngũ, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và đoàn viên thanh niên trên địa bàn.

**5.** Các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015; Nghị định số 37/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng đến 100% cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị mình bằng nhiều hình thức như mỗi tuần một Điều luật, hệ thống truyền thanh nội bộ ...

(có nội dung đề cao tuyên truyền kèm theo)

Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 1371 tỉnh đề nghị các cơ quan, ban, ngành, địa phương trong tỉnh và các cơ quan, đơn vị trong LLVT tỉnh Bắc Giang quan tâm, phối hợp thực hiện./*BL*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng Ban Chỉ đạo 1371 tỉnh;
- Phòng Tuyên huấn/CCT;
- Chỉ huy trưởng, Chính ủy;
- Lưu: VT, TuH. T35. *BL*

**TM. BAN CHỈ ĐẠO  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**CHÍNH ỦY BỘ CHQS TỈNH  
Đại tá Vũ Đức Hiền**



**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**

(Kèm theo Công văn số 198/BCĐ-T371, ngày 19/01/2024 của Ban Chỉ đạo  
thực hiện Đề án 1371)

**I. QUYỀN LỢI CỦA CÔNG DÂN KHI NHẬP NGŨ**

Theo quy định tại Điều 4 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, mọi công dân Việt Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định.

Thực hiện nghĩa vụ quân sự vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của công dân. Những quyền lợi mà người đi nghĩa vụ quân sự được hưởng bao gồm:

**Được nghỉ phép hàng năm (Theo Điều 3 Nghị định 27/2016/NĐ-CP)**

- Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 13 trở đi nghỉ phép hàng năm; thời gian nghỉ là 10 ngày (không kể ngày đi và về).

- Hạ sĩ quan, binh sĩ đã nghỉ phép năm theo chế độ, nếu gia đình gặp thiên tai, hỏa hoạn nặng hoặc người thân từ trần, mất tích hoặc hạ sĩ quan, binh sĩ lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thì được nghỉ phép đặc biệt, thời gian không quá 05 ngày (không kể ngày đi và về).

- Được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường theo quy định hiện hành.

**Được nhận các khoản trợ cấp (Theo Điều 7 Nghị định 27/2016/NĐ-CP)**

- Trợ cấp xuất ngũ một lần: Cứ mỗi năm phục vụ trong Quân đội, hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm xuất ngũ.

- Phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 đến dưới 30 tháng được trợ cấp thêm 01 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng; Phục vụ tại ngũ đủ 30 tháng được trợ cấp thêm 02 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng.

- Trợ cấp tạo việc làm: Mức trợ cấp bằng 06 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm xuất ngũ.

- Khi xuất ngũ, được đơn vị tiễn và đưa về địa phương nơi cư trú hoặc được cấp tiền tàu, xe và phụ cấp đi đường.

**Được hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm (Theo Điều 8 Nghị định 27/2016/NĐ-CP)**

- Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự, sau khi xuất ngũ:

- Được tiếp nhận vào học tiếp tại các trường mà trước khi nhập ngũ đang học hoặc có giấy gọi.

- Nếu có nhu cầu đào tạo nghề và đủ điều kiện thì được hỗ trợ đào tạo nghề.

- Được tiếp nhận vào làm việc, bố trí việc làm tại nơi trước khi nhập ngũ đang làm. Được đảm bảo thu nhập, tiền lương, tiền công...

- Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ khi về địa phương được ưu tiên sắp xếp việc làm và cộng điểm trong tuyển sinh, tuyển dụng công chức, viên chức; Trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo.

**Không mất phí chuyển bưu phẩm, tiền (Theo Điều 5 Nghị định 27/2016/NĐ-CP), hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được:**

- Miễn tiền cước khi chuyển tiền, bưu phẩm, bưu kiện; được cấp 04 tem thu/tháng.

- Khi tham gia tuyển sinh được cộng điểm ưu tiên.

- Trước khi nhập ngũ là thành viên hộ nghèo, học sinh, sinh viên nếu vay tiền từ Ngân hàng Chính sách xã hội thì được tạm hoãn trả và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ.

**Chế độ đối với người nhà hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (Theo Điều 6 Nghị định 27/2016/NĐ-CP)**

- Nhà ở gấp tai nạn, hỏa hoạn, thiên tai dẫn đến sập, hư hỏng: Trợ cấp 03 triệu đồng/suất/lần.

- Thân nhân bị ốm đau từ 01 tháng trở lên hoặc điều trị 01 lần tại bệnh viện từ 07 ngày trở lên: Trợ cấp 500.000 đồng/thân nhân/lần.

- Thân nhân từ trần, mất tích: Trợ cấp 02 triệu đồng/người.

- Con đẻ, con nuôi hợp pháp: Được miễn, giảm học phí.

## **II. LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ QUY ĐỊNH**

### **Điều 4. Luật Nghĩa vụ quân sự quy định**

**1.** Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.

**2.** Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật này.

**3.** Công dân phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

**4.** Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình:

a) Dân quân tự vệ nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, trong đó có ít nhất 12 tháng làm nhiệm vụ dân quân tự vệ thường trực;

b) Hoàn thành nhiệm vụ tham gia Công an xã liên tục từ đủ 36 tháng trở lên;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên tốt nghiệp đại học trở lên, đã được đào tạo và phong quân hàm sĩ quan dự bị;

d) Thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp tình nguyện phục vụ tại đoàn kinh tế - quốc phòng từ đủ 24 tháng trở lên theo Đề án do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

đ) Công dân phục vụ trên tàu kiểm ngư từ đủ 24 tháng trở lên.

#### **Điều 10. Luật nghĩa vụ quân sự có quy định các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự
2. Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
3. Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự.
5. Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật
6. Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh sĩ.

#### **Điều 13. Đối tượng không được đăng ký nghĩa vụ quân sự**

1. Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây không được đăng ký nghĩa vụ quân sự:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích;

b) Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Khi hết thời hạn áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, công dân được đăng ký nghĩa vụ quân sự.

#### **Điều 14. Đối tượng miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự**

Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 30. Độ tuổi gọi nhập ngũ**

Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

#### **Điều 31. Tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân**

1. Công dân được gọi nhập ngũ khi có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Lý lịch rõ ràng;
- b) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- c) Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định;

d) Có trình độ văn hóa phù hợp.

2. Tiêu chuẩn công dân được gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định tại Điều 7 của Luật Công an nhân dân.

#### **Điều 41. Tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ**

1. Tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

a) Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

b) Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

c) Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

d) Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

đ) Người thuộc diện di dân, giàn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;

e) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

g) Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.

2. Miễn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

a) Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

b) Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;

c) Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên;

d) Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

3. Công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ.

Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tình nguyện thì được xem xét tuyển chọn và gọi nhập ngũ.

**Điều 42. Thẩm quyền quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ và công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ đối với công dân quy định tại Điều 41 của Luật này.

2. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ đối với công dân quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật này.

**III. NGHỊ ĐỊNH SỐ 37/2022/NĐ-CP NGÀY 06/6/2022 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, CƠ YẾU**

**Điều 6. Vi phạm quy định về kiểm tra, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm kiểm tra, khám sức khỏe ghi trong lệnh gọi kiểm tra hoặc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cố ý không nhận lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Người được khám sức khỏe có hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự;

b) Đưa tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất khác trị giá đến dưới 2.000.000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người được kiểm tra hoặc người được khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.”.

**Điều 7. Vi phạm quy định về nhập ngũ**

**1.** Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lý do chính đáng.

**2.** Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gian dối nhằm trốn tránh thực hiện lệnh gọi nhập ngũ sau khi đã có kết quả khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự đủ điều kiện nhập ngũ theo quy định.

**3.** Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**4.** Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện nghĩa vụ quân sự đối với người có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.”.

#### **Điều 9. Vi phạm các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự**

**1.** Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bảo cáo không đầy đủ danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, công dân nữ có ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; báo cáo không đầy đủ số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan, tổ chức minh theo quy định;

b) Cố ý báo cáo không chính xác danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, công dân nữ có ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; báo cáo không chính xác số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan, tổ chức minh theo quy định.

**2.** Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không báo cáo danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, công dân nữ có ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi;

b) Không bảo cáo số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan, tổ chức minh theo quy định.

**3.** Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận trở lại trường học; không tiếp nhận và bố trí việc làm cho hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về cơ quan, tổ chức cũ làm việc.

**4. Biện pháp khắc phục hậu quả:**

a) Buộc thực hiện việc bảo cáo theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiếp nhận trở lại trường học; tiếp nhận và bố trí việc làm cho hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về cơ quan, tổ chức cũ làm việc đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.”.

#### **Điều 10. Vi phạm quy định về đăng ký sĩ quan dự bị**

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không đăng ký sĩ quan dự bị lần đầu;
- b) Không đăng ký bổ sung khi có sự thay đổi về bản thân và gia đình;
- c) Không thực hiện đăng ký khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập theo quy định;
- d) Không đăng ký vắng mặt tại nơi cư trú hoặc nơi công tác.

#### **Điều 11. Vi phạm quy định về đào tạo sĩ quan dự bị**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm ghi trong giấy triệu tập kiểm tra sức khỏe sĩ quan dự bị hoặc người được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Người được khám sức khỏe có hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ sĩ quan dự bị hoặc đi đào tạo sĩ quan dự bị;

b) Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá đến dưới 2.000.000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người khám sức khỏe là sĩ quan dự bị hoặc người được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận lại sĩ quan dự bị đi đào tạo trở về cơ quan, tổ chức cũ làm việc.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiếp nhận lại sĩ quan dự bị đi đào tạo trở về cơ quan, tổ chức cũ làm việc đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.”.

#### **Điều 12. Vi phạm quy định về tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm ghi trong lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí thời gian cho quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.

**3.** Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận, bố trí lại công việc cho quân nhân dự bị khi kết thúc huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện xong nhiệm vụ trở lại cơ quan, tổ chức cũ công tác.

**4.** Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiếp nhận, bố trí lại công việc cho quân nhân dự bị khi kết thúc huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện xong nhiệm vụ trở lại cơ quan, tổ chức cũ công tác đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.”.

#### **Điều 14. Vi phạm quy định về huy động phương tiện kỹ thuật**

**1.** Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định hoặc lệnh huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị đã được xếp trong đơn vị dự bị động viên để huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên trong thời bình.

**2.** Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện quyết định hoặc lệnh huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”.

#### **Điều 21. Vi phạm quy định về tổ chức dân quân tự vệ**

**1.** Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh việc thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

**2.** Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

**3.** Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

**4.** Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Chống đối việc thành lập, tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ;
- b) Chống đối quyết định mở rộng lực lượng dân quân tự vệ của cấp có thẩm quyền.

**5.** Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi thành lập, tổ chức lực lượng dân quân tự vệ không đúng quy định của pháp luật.

**6.** Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giải tán lực lượng dân quân tự vệ thành lập, tổ chức không đúng pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.”.

#### **Điều 21a. Vi phạm quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ**

**1.** Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ.

**2.** Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cản trở người thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ.

**3.** Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi chống đối việc thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ.

**4.** Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với hành vi tự ý thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền cho thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ trước thời hạn hoặc đưa ra khỏi danh sách dân quân tự vệ.”.

### **Điều 22. Vi phạm quy định về huấn luyện dân quân tự vệ**

**1.** Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh huấn luyện dân quân tự vệ.

**2.** Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc huấn luyện dân quân tự vệ.

**3.** Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chống đối việc huấn luyện dân quân tự vệ.

**4.** Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tham gia huấn luyện dân quân tự vệ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.”.

### **Điều 23. Vi phạm quy định về thực hiện nhiệm vụ của dân quân tự vệ**

**1.** Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh quyết định điều động dân quân tự vệ làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**2.** Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cản trở thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động dân quân tự vệ làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

b) Cản trở dân quân tự vệ làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**3.** Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chống đối thực hiện quyết định điều động dân quân tự vệ làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**4.** Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dân quân tự vệ trái pháp luật.

**5.** Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chấp hành quyết định điều động dân quân tự vệ làm nhiệm vụ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này.”.

### **Điều 25. Vi phạm quy định đi lại, cư trú, sản xuất, kinh doanh bất hợp pháp trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng, khu quân sự**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố ý vào, đi lại trong khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng, khu quân sự khi không được phép của cấp có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi cố ý vào, đi lại trong khu vực cấm của công trình quốc phòng, khu quân sự khi không được phép của cấp có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cư trú bất hợp pháp trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh trái phép trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc dì dời ra khỏi khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.”.

### **Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2b Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 2b Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép; chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 2b Nghị định này.”.

### **Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra quốc phòng**

- 1.** Thanh tra viên quốc phòng đang thi hành công vụ có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;
  - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 2b Nghị định này.
  
- 2.** Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
  - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
  - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 75.000.000 đồng;
  - đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 2b Nghị định này.
  
- 3.** Chánh thanh tra Bộ Quốc phòng có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
  - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
  - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
  - đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 2b Nghị định này.

**4.** Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành quân khu có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**5.** Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành Bộ Quốc phòng có quyền:
 

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 105.000.000 đồng.".

### **Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân**

- 1.** Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.
  
- 2.** Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

**3.** Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng.

**4.** Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thuỷ, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

**5.** Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c và điểm p khoản 1 Điều 2b Nghị định này.

**6.** Cục trưởng Cục An ninh kinh tế; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c và điểm p khoản I Điều 2b Nghị định này.”.

**Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.
2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;
  - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm p khoản 1 Điều 2b Nghị định này.
3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
  - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm p khoản 1 Điều 2b Nghị định này.
4. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
  - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm p khoản 1 Điều 2b Nghị định này.”.

Nghị định số 37/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành 22/7/2022./.

---

